

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA SAU ĐẠI HỌC

ĐÀM THỊ HOA

**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG
ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG”
DO TRUNG TÂM PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHE THIÊN TAI,
TỔNG CỤC THỦY LỢI, BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN CHỦ TRÌ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Hà Nội – 2017

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA SAU ĐẠI HỌC

**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG
ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG” DO
TRUNG TÂM PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI, TỔNG CỤC
THỦY LỢI, BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHỦ TRÌ**

Luận văn thạc sĩ

Chuyên ngành: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Mã số: Chương trình đào tạo thí điểm

Học viên: Đàm Thị Hoa

Cao học biến đổi khí hậu K3

Cán bộ hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh

Hà Nội – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn: *Nghiên cứu đánh giá đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” do Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì* là sản phẩm nghiên cứu do cá nhân tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh và những kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực.

Các thông tin sử dụng trong luận văn là có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ, trung thực và đúng quy cách.

Ngày 16 tháng 1 năm 2017

Học viên

Đàm Thị Hoa

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian thực hiện luận văn, bên cạnh sự cố gắng của bản thân, học viên đã nhận được nhiều sự giúp đỡ, động viên thiết thực, quý báu.

Để hoàn thiện được luận văn tốt nghiệp này, trước tiên học viên xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới Thầy giáo **PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh** – người đã trực tiếp hướng dẫn, động viên và khuyến khích học viên trong suốt thời gian thực hiện luận văn. Nhờ có sự giúp đỡ nhiệt tình và tâm huyết của Thầy mà bản thân tôi đã từng bước hoàn thành được đề tài nghiên cứu. Học viên xin chân thành cảm ơn các thầy cô và toàn thể các cán bộ của Khoa Sau Đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tạo điều kiện tốt nhất để học viên có thể tiếp thu kiến thức và hoàn thành luận văn tốt nghiệp này.

Học viên xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của các cán bộ Cục Phòng, chống thiên tai, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, Văn Phòng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế và cán bộ, người dân xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế đã nhiệt tình giúp đỡ học viên trong quá trình khảo sát và thu thập tài liệu.

Đối với tôi nghiên cứu này là một thành quả đáng khích lệ cho sự cố gắng của bản thân sau thời gian học tập và nghiên cứu, nhưng vì thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế cho nên luận văn này không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, học viên rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và các bạn, những người quan tâm đến đề tài này.

Lời cuối cùng, học viên xin được cảm ơn sự động viên của bạn bè, đồng nghiệp và sự ủng hộ nhiệt tình của gia đình trong suốt quá trình học tập và rèn luyện.

Trân trọng cảm ơn./.

MỤC LỤC

	Trang
Danh mục các từ viết tắt	5
Danh sách hình	6
Danh mục bảng	7
MỞ ĐẦU	8
1. Lý do chọn đề tài.....	8
2. Đối tượng nghiên cứu	10
3. Mục tiêu và phạm vi nghiên cứu.....	10
4. Câu hỏi nghiên cứu	10
5. Phương pháp nghiên cứu.....	11
6. Ý nghĩa của đề tài.....	14
7. Cấu trúc của luận văn.....	14
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	15
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu	15
1.1.1. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên thế giới.....	15
1.1.2. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tiếp cận từ Việt Nam	18
1.2. Cơ sở lý luận	37
1.2.1. Khái niệm làm việc.....	37
1.2.2. Lý thuyết vận dụng	40
CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	46
2.1. Quá trình xây dựng đề án	46
2.1.1. Các bên tham gia xây dựng đề án.....	46
2.1.2. Các giai đoạn của quá trình xây dựng đề án.....	47
2.1.3. Mục tiêu, nội dung cơ bản của đề án.....	49
2.2. Quá trình tổ chức thực hiện đề án	50
2.2.1. Quá trình tổ chức thực hiện đề án ở cấp trung ương	50
2.2.2. Quá trình tổ chức thực hiện đề án cấp tỉnh	54
2.2.3. Quá trình tổ chức thực hiện đề án ở cấp huyện, xã.....	55

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ ÁN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QLRRTT-DVCĐ	58
3.1. Tài liệu	58
3.2. Kinh phí thực hiện đề án	61
3.3. Tổ chức thực hiện Đề án	64
3.3.1. Các hoạt động của Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	69
3.3.2. Hoạt động của các tỉnh/thành phố	73
3.3.3. Hoạt động của các bên tham gia chính	75
3.4. Thực tiễn thực hiện đề án qua một nghiên cứu trường hợp	79
3.4.1. Công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	79
3.4.2. Nhu cầu của người dân về nâng cao kiến thức	89
3.4.3. Khó khăn của địa phương khi triển khai quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	90
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96
PHỤ LỤC:	969

DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Đề án	Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
QLRRTT-DVCD	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
PCTT&TKCN	Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn
PT&GNTT	Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai
SCDM	Dự án Nâng cao năng lực thể chế về quản lý rủi ro thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến biến đổi khí hậu
PCTT	Phòng chống thiên tai
UBND	Ủy Ban Nhân dân
BCĐTW PCTT	Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai
HLHPN	Hội liên hiệp Phụ nữ
ADPC	Trung tâm Phòng chống thiên tai Châu Á
UNISDR	Cơ quan Chiến lược của Liên hợp quốc về giảm nhẹ thiên tai
JANI	Mạng lưới Sáng kiến vận động chính sách chung
GNTT	Giảm nhẹ thiên tai

DANH MỤC HÌNH

	Nội dung hình	Trang
Hình 1.1	Biểu đồ lượng mưa trung bình tháng tại một số trạm ở tỉnh Thừa Thiên Huế	25
Hình 1.2	Đường đi của các cơn bão ảnh hưởng Thừa Thiên Huế từ 1954-2012	26
Hình 1.3	Hình ảnh về trận lũ lịch sử năm 1999 tại Thừa Thiên Huế	27
Hình 1.4	Thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra tại Thừa Thiên Huế từ 1990-2014	28
Hình 1.5	Thiệt hại về người do thiên tai gây ra tại Thừa Thiên Huế từ 1990-2014	28
Hình 1.6	Bản đồ Hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế	29
Hình 1.7	Bản đồ Hành chính huyện Quảng Điền	30
Hình 1.8	Lũ lụt tại trụ sở UBND xã Quảng Thành năm 2014	33
Hình 1.9	Tóm tắt câu hỏi đánh giá quan trọng liên quan đến mục tiêu	41
Hình 1.10	Khung logic đánh giá Đề án	43
Hình 2.1	Địa bàn các dự án QLRRTT-DVCD năm 2007	48
Hình 2.2	Tỷ lệ giảng viên cấp tỉnh đã được đào tạo	53
Hình 2.3	Kết quả thực hiện đề án tại địa phương	57
Hình 3.1	Nguồn kinh phí thực hiện Đề án	62
Hình 3.2	Sơ đồ tổ chức thực hiện Đề án	65
Hình 3.3	Hệ thống Phòng, chống thiên tai	68
Hình 3.4	Hoạt động truyền thông	71
Hình 3.5	Bản đồ xã Quảng Thành	84
Hình 3.6	Các loại hình thiên tai mà người dân xã Quảng Thành quan ngại	87
Hình 3.7	Cách mà người dân xã Quảng Thành mong muốn tiếp nhận kiến thức	89

DANH MỤC BẢNG

	Nội dung bảng	Trang
Bảng 1.1	Xếp hạng thiên tai theo địa bàn các thôn của xã Quảng Thành	34
Bảng 1.2	Thiệt hại do thiên tai gây ra tại xã Quảng Thành	34
Bảng 1.3	Các nguyên tắc cơ bản trong QLRRTT-DVCD	39
Bảng 1.4	Nhóm tiêu chí đánh giá quá trình xây dựng và triển khai Đề án	44
Bảng 3.1	Các hoạt động, kết quả và kế hoạch triển khai dự án	80
Bảng 3.2	Đánh giá khả năng và tình trạng dễ bị tổn thương của xã Quảng Thành	86

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Việt Nam là một trong những quốc gia thường xuyên bị ảnh hưởng bởi các loại thiên tai như: bão, lũ, lũ quét, ngập úng, hạn hán, sa mạc hoá, xâm nhập mặn, tố, lốc, sạt lở, động đất. Lũ, bão là hai dạng thiên tai chủ yếu với tần suất xảy ra lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng và thường gây hậu quả nghiêm trọng. Trong những năm gần đây, cùng với biến đổi khí hậu toàn cầu, thiên tai ngày càng gia tăng cả về số lượng, cường độ và mức độ ảnh hưởng. Năm 2016 hầu hết các loại hình thiên tai xảy ra trên khắp các vùng miền trên cả nước với cường độ lớn, phạm vi rộng, đồng thời thể hiện tính cực đoan và bất thường. Thiên tai trong năm 2016 làm 264 người chết và mất tích; tổng thiệt hại ước tính 39.726 tỷ đồng (đây là thiệt hại lớn nhất về kinh tế do thiên tai gây ra trong 40 năm qua) [26].

Ước tính khoảng 59% diện tích và 71% dân số bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Ngoài ra, Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH, đặc biệt là nước biển dâng. BĐKH toàn cầu làm cho thiên tai ở Việt Nam ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường về quy mô, tần suất, cường độ, đồng thời làm gia tăng khả năng xuất hiện các loại hình thiên tai mới [32].

Thiên tai và biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng đến các kết quả đạt được trong mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo cũng như các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững chung của đất nước. Vì vậy, tăng cường năng lực cho cán bộ và nâng cao nhận thức người dân về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai cũng chính là biện pháp trước mắt, cũng như lâu dài nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện Chiến lược quốc gia Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” với mục tiêu nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình QLRRTT-DVCD cho các cấp, các ngành, đặc biệt là các cấp chính quyền và người dân ở các làng, xã

nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa do thiên tai gây ra, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai thuộc Tổng cục Thủy lợi là cơ quan đầu mối giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều phối thực hiện các hoạt động của đề án. Đến nay hầu hết các hoạt động thuộc hợp phần 1 đã được triển khai, trong đó Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt Tài liệu kỹ thuật, hướng tổ chức thực hiện và hoàn thành việc đào tạo đội ngũ giảng viên nguồn cấp tỉnh. Sau khi được đào tạo, các giảng viên nguồn cấp tỉnh sẽ tổ chức các khóa tập huấn tại cộng đồng. Bên cạnh đó, các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ quốc tế và các tổ chức trong và ngoài nước cũng đã hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thông qua thực hiện các dự án thí điểm như xây dựng tài liệu tập huấn ...vv. Tuy nhiên, các hoạt động đã triển khai trong đề án chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Do đó, việc nghiên cứu và đánh giá các hoạt động đã triển khai trong đề án là cần thiết, để xem các hoạt động được triển khai có đạt được mục tiêu đề ra và xác định ra hạn chế trong quá trình thực hiện nhằm đề xuất giải pháp để tăng cường hiệu quả triển khai đề án trong thời gian tới.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tác giả đã lựa chọn đề tài “*Nghiên cứu đánh giá đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*” do Trung Tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, trong đó có thực tiễn thực hiện đề án qua một nghiên cứu trường hợp xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế để phân tích đánh giá và đưa ra những đề xuất để tăng cường triển khai các biện pháp nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Việt Nam.

2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

- Quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” và các hoạt động có liên quan.

- Thời gian xây dựng dự án từ 2001-2009

- Thời gian triển khai đề án từ 2009-2015

- Thực tiễn thực hiện đề án tại xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên cơ sở đánh giá quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện đề án trên thực tế.

- Tổng quan tài liệu

- Tổng hợp tiêu chí đánh giá đề án

- Phân tích hiệu quả của việc triển khai đề án trong thực tế.

- Phân tích khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện đề án

- Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện đề án

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” và thực tiễn tại xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế, là xã ven biển dọc khu vực phá Tam Giang và thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

4. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

- Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” đã được xây dựng và thực hiện như thế nào?

- Hiệu quả của quá trình triển khai đề án trong thời gian vừa qua như thế nào?

- Có những khó khăn, thách thức gì trong quá trình triển khai các hoạt động của đề án?

- Làm thế nào để tổ chức thực hiện đề án có hiệu quả và bền vững trong giai đoạn tới?

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu:* Tác giả luận văn đã thu thập các tài liệu liên quan đến Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, các báo cáo, nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan và tiến hành phân tích các tài liệu này. Đây là cơ sở quan trọng để làm rõ quá trình xây dựng đề án, các hoạt động có liên quan cũng như quá trình tổ chức thực hiện đề án trong thực tế, qua đó chỉ ra hiệu quả của đề án cũng như những tồn tại, thách thức liên quan đến bản thân đề án và quá trình tổ chức thực hiện.

- *Phương pháp kế thừa tài liệu:* Để thực hiện nghiên cứu có tính logic và phù hợp với điều kiện thực tế, những kết quả trong báo cáo cần thiết phải kế thừa những kết quả nghiên cứu, báo cáo đã có. Ngoài ra, cần có những phân tích và tổng hợp các nguồn tài liệu, tư liệu, số liệu thông tin có liên quan một cách có chọn lọc. Từ đó, đánh giá các thông tin thu thập được theo yêu cầu và mục đích nghiên cứu.

- *Phương pháp thu thập thông tin tư liệu thứ cấp:* Thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu là phương pháp phổ biến và mang lại hiệu quả cao trong quá trình nghiên cứu và đỡ tốn kém. Trong nghiên cứu này các số liệu thứ cấp đã thu thập bao gồm các tài liệu đã được công bố như sau: (i) Các Báo cáo đánh giá thực hiện, kế hoạch triển khai Đề án của các cơ quan, tổ chức trong việc xây dựng và thực hiện đề án tại cấp trung ương cũng của các địa phương; (ii) Các báo cáo của xã và tỉnh được sử dụng là các báo cáo cập nhật nhất, là các báo cáo chính thức của địa phương, được thu thập bằng cách liên hệ trực tiếp với Phó chủ tịch UBND xã phụ trách công tác phòng, chống thiên tai và

BĐKH như các báo cáo về Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2015 và phương hướng kế hoạch năm 2016 của xã Quảng Thành, Báo cáo đánh giá năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương tại xã Quảng Thành, các báo cáo thiên tai và thiệt hại do thiên tai của tỉnh và xã; (iii) Các chính sách và Chương trình quốc gia về Phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH. Ngoài ra trong quá trình thực hiện còn tham khảo các thông tin, tài liệu trên mạng internet, sách, báo, tạp chí, truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế, các báo cáo hội nghị vv... Các tài liệu sau khi thu thập được phân tích, tổng hợp. Các thông tin trước khi sử dụng cho nghiên cứu được xem xét và có sự đối chiếu, tham khảo từ nhiều tài liệu khác nhau để đảm bảo độ tin cậy.

- *Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA)*: Đánh giá nông thôn có sự tham gia nhằm thu thập thông tin định tính cũng như định lượng để qua đó có thể hiểu rõ hơn về thực trạng, điều kiện kinh tế xã hội địa phương và các nguồn sinh kế chính. Biết được những tác động của thiên tai và BĐKH, những thiệt hại do thiên tai gây ra, hiểu được các cơ hội bên cạnh những thách thức địa phương đang gặp phải và cách ứng phó. Phương pháp này cũng cho biết năng lực của cộng đồng trong phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH. Người dân có những kinh nghiệm dân gian hay kiến thức bản địa trong việc ứng phó với thiên tai và BĐKH.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp PRA như là một công cụ chính để tiến hành làm việc với chính quyền và người dân địa phương. Các công cụ PRA được sử dụng bao gồm: phỏng vấn sâu có định hướng, hồ sơ lịch sử thiên tai, quan sát và câu chuyện về thiên tai.

Trước khi tiến hành điều tra tại xã đã có một buổi làm việc với lãnh đạo Văn phòng và lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế (ông Phan Thanh Hùng, Chánh văn phòng, ông Lê Diên Minh, Trưởng Phòng PCTT) và đại diện lãnh đạo UBND xã Quảng Thành (bà Nguyễn Thị Dạ Thảo) và các cán bộ tham gia công tác PCTT tại xã. Trong buổi làm việc, các thông tin cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội

đã được thu thập, xác định và phân tích biểu hiện, các tác động của thiên tai, BĐKH đến cộng đồng, các nguồn lực của cộng đồng trong ứng phó với thiên tai và BĐKH. Sau đó tiến hành điều tra với người dân về các loại hình thiên tai, lịch gieo trồng tại xã và hồ sơ lịch sử thiên tai.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Được sử dụng trong quá trình thu thập thông tin như: Phỏng vấn cán bộ cấp xã (Phó chủ tịch UBND xã, cán bộ xã phụ trách về địa chính, cán bộ phụ trách về thiên tai), cán bộ tỉnh có liên quan đến thiên tai và BĐKH (Chánh văn phòng, Phó tránh văn Phòng, cán bộ tài chính, trưởng phòng thanh tra, trưởng phòng PCTT – Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh), cán bộ tham gia vào xây dựng và quản lý đề án (Phó giám đốc, Trưởng phòng, cán bộ chuyên trách công tác QLTT-DVCD; Lãnh đạo chi cục và lãnh đạo và cán bộ phòng Nghiệp vụ - Chi cục PCTT khu vực miền Trung và Tây Nguyên). Ngoài ra còn phỏng vấn cán bộ thôn và người dân để tìm hiểu về nhận thức của họ sau khi tham gia các khóa tập huấn, một số người cao tuổi trong xã để tìm hiểu về thông tin lịch sử thiên tai, các câu chuyện về thiên tai.

Khảo sát thực tế tại địa phương: Trong khuôn khổ dự án "Xây dựng xã hội thích ứng thiên tai tại Việt Nam giai đoạn 2" do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản thực hiện. Tác giả luận văn đã tiến hành khảo sát thực tế tại địa phương để tìm hiểu, trao đổi và thảo luận với cán bộ chủ chốt tham gia thực hiện công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại tỉnh Thừa Thiên Huế và cán bộ, giáo viên và người dân tại xã Quảng Thành từ 6-8/1/2016 để tìm hiểu về vai trò của chính quyền và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong việc hỗ trợ người dân ứng phó với thiên tai, BĐKH. Kết hợp với với quan sát hiện trường để phân tích, tìm hiểu và đánh giá vấn đề nghiên cứu.

6. Ý NGHĨA CỦA ĐỀ TÀI

a) Ý nghĩa khoa học

Kết quả nghiên cứu của luận văn làm cơ sở đề xuất các giải pháp để góp phần thực hiện có hiệu quả đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Về mặt khoa học, đề tài nghiên cứu vận dụng những kiến thức về quản lý thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu trong việc nghiên cứu đánh giá tính hiệu quả của hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng tại Việt Nam nói chung và trong đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng nói riêng. Từ đó bổ sung thực tiễn nghiên cứu cụ thể cho lý thuyết về quản lý thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

b) Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu tham khảo cho các cơ quan các cấp trong việc triển khai đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để góp phần nâng cao hiệu quả của đề án cũng như hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Việt Nam.

7. CẤU TRÚC LUẬN VĂN

Ngoài các phần (mở đầu, kiến nghị và kết luận, tài liệu tham khảo) luận văn được cấu trúc thành 3 chương:

- Chương 1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu và cơ sở lý luận của đề tài
- Chương 2. Đánh giá quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”.
- Chương 3. Đánh giá kết quả xây dựng đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một cách tiếp cận về quản lý rủi ro thiên tai từ dưới lên. Hướng tiếp cận này được thực hiện tự phát tại các cộng đồng trong quá trình đối phó với thiên tai để bảo vệ cuộc sống của chính mình và cộng đồng. Theo thời gian, tiếp cận quản lý rủi ro thiên tai từ dưới lên được quan tâm và dần trở thành một trong những hướng tiếp cận chính thống của nhiều quốc gia. Nhìn một cách tổng thể quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được triển khai ở nhiều quốc gia trên thế giới và Việt Nam, các nghiên cứu và tài liệu sau được tác giả nghiên cứu để làm cơ sở xây dựng luận văn và được chia thành các chủ đề sau:

1.1.1. *Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên thế giới*

Trên thế giới, những nghiên cứu chính thức và tương đối đầy đủ, toàn diện về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng được thực hiện từ cách đây hơn 30 năm với nghiên cứu của Andrew Maskrey 1984, về giảm nhẹ rủi ro thiên tai từ cộng đồng tại hội thảo quốc tế về thực hiện chương trình giảm nhẹ thiên tai tại Ocho Rios, Jamaica và tác phẩm Giảm nhẹ thiên tai, hướng tiếp cận từ cộng đồng xuất bản năm 1989 sau hội nghị về giảm nhẹ thiên tai do Habitat tổ chức tại Berlin năm 1987 [31].

Tiếp sau đó nghiên cứu của Rajib Shaw về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và các phương pháp tiếp cận cộng đồng, qua các thực tiễn dựa vào cộng đồng cho thấy tính hữu ích và hiệu quả trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Điều này đã được kiểm chứng không chỉ tại Nhật Bản mà còn tại các quốc gia khác trên toàn cầu. Ngoài các cá nhân và gia đình, những người hàng xóm, láng giềng trong cộng đồng được coi là những người ứng phó đầu tiên. Phương pháp tiếp cận giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được các tổ chức Phi chính phủ quốc tế triển khai như là một phương pháp tiếp cận chung để xây dựng các cộng đồng có khả năng chống chịu trong các nỗ lực giảm nhẹ rủi ro thiên tai của các

tổ chức này. Phương pháp tiếp cận này ngày càng được khuyến khích sử dụng trong các chính quyền địa phương để tăng cường mối liên hệ giữa hệ thống chuyên trách quản lý thiên tai và các tổ chức dựa vào cộng đồng. Đã có nhiều nghiên cứu về các dự án giảm nhẹ rủi ro thiên tai với phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng được thực hiện bởi các chính phủ địa phương và các tổ chức Phi chính phủ quốc tế và còn có những khác biệt. Để đảm bảo tính bền vững trong phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng, điều quan trọng là phải có sự kết nối với các chương trình, chính sách của Chính phủ, đặc biệt là với các lĩnh vực như y tế, vệ sinh, giáo dục, nhà ở và sinh kế vv...[35].

Theo nghiên cứu về kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cộng đồng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại Châu Á của Zennaida Delica - Willison cho thấy, trong thập kỷ qua đã nhận thấy sự cần thiết để chuyển đổi mô hình từ quản lý khẩn cấp sang quản lý rủi ro thiên tai. Điều này liên quan đến việc thay đổi trọng tâm từ ứng phó khẩn cấp tới việc xây dựng các hoạt động theo kế hoạch để giảm thiểu hoặc ngăn chặn thảm họa xảy ra. Ở cấp độ quốc gia và nhà nước, phương pháp này cần có cam kết chính trị, xây dựng chính sách có liên quan cũng như phân bổ nguồn lực để thể chế các cơ chế có thể hỗ trợ cho các hoạt động quản lý rủi ro. Các kinh nghiệm trong nghiên cứu này đã nhấn mạnh tầm quan trọng vai trò của cộng đồng địa phương vì đây là thực tế được thừa nhận là ở bất cứ quy mô hiểm họa, rủi ro, dù lớn hay nhỏ. Cộng đồng địa phương chính là người bị ảnh hưởng nhiều nhất hoặc là người góp phần giảm nhẹ tác động này tại cộng đồng. Người dân tại cộng đồng địa phương là những người bị ảnh hưởng và như vậy họ cũng trở thành người ứng phó đầu tiên, những người quản lý trường hợp khẩn cấp tại gia đình và cộng đồng. Bằng cách quản lý tình huống khẩn cấp tốt có thể ngăn chặn tình huống tồi tệ hơn là thảm họa. Hơn thế, các cộng đồng địa phương tiến hành biện pháp quản lý rủi ro trước khi các hiểm họa xảy ra. Do đó, quản lý rủi ro thiên tai là hoạt động phù hợp ở cấp cộng đồng [37].

Mặc dù các cộng đồng có thể có nhiều điểm tương đồng, nhưng không có cộng đồng nào là giống nhau hoàn toàn. Tuy nhiên, có những bài học từ một cộng đồng, có thể được nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp để áp dụng tại cộng đồng khác. Có nhiều bài học đã được rút ra trong quá khứ và được giới thiệu để triển khai, nhưng không thể áp dụng được ở nước khác như việc lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai với kế hoạch phát triển quốc gia, phân bổ ngân sách và thể chế hóa quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng mà cần tính đến bối cảnh cụ thể của mỗi quốc gia để tiến hành lồng ghép.

Từ kinh nghiệm của các cộng đồng trong hợp tác với các tổ chức và chính quyền địa phương về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã chứng minh được tính hiệu quả tại cộng đồng ở một số quốc gia đang phát triển tại châu Á. Thông qua việc triển khai các hoạt động về QLRRTT-DVCD một số nước đã đạt được kết quả đáng kể trong lĩnh vực này, tuy nhiên các điển hình làm tốt còn chưa được phổ biến rộng rãi. Các bài học trong thực tế về QLRRTT-DVCD cần được nghiên cứu và kiểm nghiệm để có thể nhân rộng. Bên cạnh đó, cần có cam kết và hỗ trợ của chính phủ các quốc gia nhằm khuyến khích và trao quyền cho chính quyền địa phương và cộng đồng triển khai [37].

Qua các nghiên cứu trên cho thấy, đã có nhiều nghiên cứu về giảm nhẹ rủi ro thiên tai với phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng được thực hiện bởi các chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ quốc tế và vẫn còn có những khác biệt, phần lớn các hoạt động Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được khởi xướng và thực hiện bởi các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức đối tác dựa vào cộng đồng do đó các hoạt động còn chưa được nhân rộng tới các khu vực khác và khi dự án kết thúc, các hoạt động cũng kết thúc do không có kinh phí. Bên cạnh đó một số hoạt động đã có sự tham gia của chính quyền địa phương và do địa phương khởi xướng nhưng cũng cần được thể chế hoá để đảm bảo tính bền vững sau khi kết thúc các dự án.

1.1.2. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tiếp cận từ Việt Nam

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, tại Việt Nam, hoạt động cộng đồng đối với các vấn đề chung của xã hội trong đó có chống giặc ngoại xâm, thiên tai đã được hình thành qua nhiều thế hệ. Quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ hệ thống đê điều, một trong những công trình phòng, chống thiên tai đầu tiên của Việt Nam được thực hiện chủ yếu dựa vào sức dân. Người dân đóng góp công lao động để đắp đê, dự trữ tre, nứa, bao tải, đất, cuốc xẻng và các vật dụng khác để sẵn sàng khi chính quyền huy động trong việc bảo vệ đê. Người dân cũng dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu cầu thiết yếu và giúp đỡ hàng xóm, láng giềng sẵn sàng ứng phó với các tình huống thiên tai, lũ lụt [7].

Tuy nhiên, cách tiếp cận về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng theo hướng chủ động, tương đối bài bản được du nhập vào Việt Nam từ đầu những năm 2000 với những dự án về Tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia trong đó ở Việt Nam dự án được thực hiện tại Thừa Thiên Huế do Trung tâm Phòng chống thiên tai Châu Á có trụ sở tại Thái Lan tài trợ và trực tiếp hướng dẫn triển khai thực hiện. Tại thời điểm đó, quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cũng được triển khai ở một số dự án do Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác quốc tế và tổ chức Word Vision thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Trị [8].

Những hoạt động được thực hiện từ giai đoạn đầu:

Trong khuôn khổ hỗ trợ của Trung tâm Phòng chống thiên tai Châu Á , các hoạt động về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được tiến hành tại xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc -Thừa Thiên Huế trong năm 2002-2003 bao gồm các hoạt động: tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức và diễn tập để trang bị cho người dân sống tại khu vực đầm phá Tam Giang kiến thức, kỹ năng ứng phó với bão và lũ lụt là hai loại hình thiên tai chính tại địa phương giúp họ nhận biết được những nguy cơ, rủi ro có thể gặp phải khi thiên tai xảy ra, và biết phải làm gì, làm thế nào để giảm thiểu ảnh hưởng và ứng phó với thiên tai tại gia đình và cộng đồng. Cộng đồng được tham gia vào quá trình lập kế

hoạch, thiết kế và giám sát công trình, với sự hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài, qua quá trình tham gia vào các hoạt động này đã cho thấy sự đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau của cộng đồng là yếu tố chủ đạo để bảo vệ và ứng phó tốt hơn trước thiên tai, cộng đồng phát huy được tính sở hữu đối với các tác động trong dự án vì họ đóng vai trò quan trọng xuyên suốt quá trình của dự án từ đánh giá hiểm hoạ, thăm hoạ tình trạng dễ bị tổn thương và xác định ra các nguồn lực, khả năng của cá nhân, gia đình và cộng đồng để cùng nhau bàn bạc đề xuất ra các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với thiên tai một cách chủ động và hiệu quả hơn chứ không chỉ ỷ lại vào sự giúp đỡ và hỗ trợ từ bên ngoài.

Hướng tiếp cận được phát triển rộng khắp tại Việt Nam:

Theo báo cáo nghiên cứu về “Thực trạng triển khai các chương trình / dự án quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng ở Việt Nam” trong khuôn khổ đối tác Giảm nhẹ thiên tai Đông Nam Á giai đoạn 4 của Nguyễn Thị Yên. Từ năm 2000, với sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai có sự tham gia của cộng đồng từ giai đoạn đánh giá rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, triển khai kế hoạch đã được thực hiện tại Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. Các hoạt động về QLRRTT-DVCD tiếp tục được các tổ chức phi chính phủ phát triển và thực hiện tại hầu khắp các địa phương trên cả nước. Đến năm 2003, số lượng tỉnh triển khai hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là 9 tỉnh gồm Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận [8].

Đến năm 2007, đã có 23 tỉnh, thành phố có hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Số lượng tổ chức trong nước, quốc tế, tổ chức phi chính phủ triển khai thực hiện các hoạt động về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cũng tới gần 20 tổ chức.

Đến nay, hoạt động QLRRTT-DVCD đã được triển khai tại hầu khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước với sự tham gia tích cực của 30 tổ chức trong nước, quốc tế, tổ chức phi chính phủ. Từ những hoạt động này, một đội ngũ cán bộ, chuyên gia về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã hình thành

và ngày càng phát triển, nhiều tài liệu đào tạo, tuyên truyền đã được xây dựng, mô hình quản lý thiên tai tại nhiều cộng đồng đã phát huy hiệu quả, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra QLRRTT-DVCD được đưa thực hiện trong giai đoạn hiện nay – được đưa thành chương trình chính phủ và xây dựng thành đề án [13].

Nội dung đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD”

Theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”, đề án bao gồm các nội dung sau [14]:

Mục tiêu chung của đề án: Nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình QLRRTT-DVCD cho các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền và người dân ở các làng, xã nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa do thiên tai gây ra, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai; đảm bảo đến năm 2020 có 100% cán bộ được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và GNTT.

- Tất cả các làng, xã ở những vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch phòng tránh thiên tai, có hệ thống thông tin liên lạc và xây dựng được lực lượng nòng cốt có chuyên môn, nghiệp vụ về GNTT, lực lượng tình nguyện viên để hướng dẫn và hỗ trợ nhân dân trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

+ 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

+ Đưa kiến thức phòng tránh giảm nhẹ thiên tai vào chương trình đào tạo của trường học phổ thông.

Nhiệm vụ và quy mô của Đề án

Nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phát huy tối đa hiệu quả đầu tư, Đề án gồm 2 hợp phần có mối liên hệ mật thiết với nhau, bao gồm:

a) Hợp phần 1: Nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ chính quyền các cấp.

Hợp phần 1 có mục tiêu đảm bảo 100% cán bộ các cấp trực tiếp làm công tác quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về QLRRTT-DVCD. Bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, thống nhất về quản lý, hướng dẫn, triển khai thực hiện các hoạt động QLTT-DVCD ở các cấp và tại cộng đồng.

- Hoàn thiện bộ máy phòng, chống và quản lý thiên tai của cơ quan chuyên trách các cấp của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng hệ thống đào tạo về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp.

- Xây dựng các bộ tài liệu đào tạo về chính sách, cơ chế và các hoạt động triển khai quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp và cộng đồng (bao gồm cả bộ tài liệu cho giảng viên và bộ tài liệu cho học viên).

- Tổ chức đào tạo về chính sách, cơ chế, các bước thực hiện QLRRTT-DVCD cho đội ngũ giảng viên, các cơ quan, cán bộ địa phương và cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp.

- Đưa chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cơ quan chính quyền và đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp QLRRTT-DVCD như một hoạt động thiết yếu trong chương trình, kế hoạch hoạt động về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai hàng năm ở các cấp.

- Trang bị công cụ hỗ trợ công tác phòng, chống lụt bão cho các cơ quan, chính quyền các cấp và bộ dụng cụ giảng dạy về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh, thành phố.

b) Hợp phần 2: Tăng cường truyền thông giáo dục, nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai.

Hợp phần này với mục tiêu: tăng cường năng lực cho cộng đồng về giảm nhẹ thiên tai; trên 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai. Bao gồm các hoạt động chủ yếu sau:

- Thành lập nhóm triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cộng đồng (do cộng đồng bầu chọn).

- Thiết lập bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương ở từng cộng đồng (do cộng đồng tự xây dựng dựa trên hướng dẫn của nhóm thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cộng đồng); xây dựng pano, bản đồ và bảng hướng dẫn các bước cơ bản về chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả tại địa điểm trung tâm của mỗi cộng đồng.

- Xây dựng sổ tay hướng dẫn triển khai các hoạt động cơ bản của cộng đồng về chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả ứng với từng giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai phù hợp cho từng cộng đồng (theo truyền thống văn hóa và điều kiện kinh tế - xã hội của từng nhóm cộng đồng).

- Hàng năm, thành viên cộng đồng thu thập, cập nhật thông tin cho bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương.

- Hàng năm, cộng đồng xây dựng kế hoạch về phòng, chống và quản lý rủi ro thiên tai có lồng ghép với tác động của biến đổi khí hậu.

- Các thành viên cộng đồng xây dựng kế hoạch phát triển của cộng đồng có lồng ghép kế hoạch về phòng, chống và quản lý rủi ro thiên tai.

- Hàng năm, tổ chức diễn tập về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ).

- Thiết lập hệ thống về cảnh báo, truyền tin sớm về thiên tai trong cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ).

- Thiết lập hệ thống đánh giá và giám sát các hoạt động về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng.

- Các hoạt động về QLRRTT-DVCD thường xuyên được truyền thông qua trang internet, tivi, đài, báo và các pano áp phích, tờ rơi...

- Xây dựng bộ tài liệu đào tạo về các hoạt động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng (bộ tài liệu này sẽ bao trùm lên quá trình quản lý rủi ro thiên tai như chuẩn bị lập kế hoạch, lập kế hoạch, các hoạt động ứng cứu trong thiên tai, các hoạt động về khôi phục và phục hồi sau thiên tai...).

- Hàng năm, tổ chức các lớp đào tạo cho cộng đồng về từng hoạt động riêng biệt trong công tác quản lý rủi ro thiên tai tại cộng đồng (các hoạt động đào tạo, tập huấn này được tổ chức riêng biệt cho từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng như giới tính, học sinh phổ thông, người lớn tuổi...).

- Tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ có nội dung về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng nhân các ngày lễ hội.

- Xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ công tác phòng, chống và GNTT tại cộng đồng (đường tránh lũ, trường học, trạm y tế, nước sạch...).

Thời gian và địa điểm thực hiện Đề án: Đề án dự kiến thực hiện trong 12 năm, bắt đầu từ năm 2009 và kết thúc vào năm 2020 và dự kiến được thực hiện ở khoảng 6.000 làng, xã thường bị ảnh hưởng do thiên tai trên toàn quốc.

Tổng mức đầu tư: Tổng nhu cầu vốn để thực hiện Đề án khoảng 988,7 tỷ đồng, được phân bổ cho các hợp phần như sau:

- Hợp phần 1: nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: 182,9 tỷ đồng.

- Hợp phần 2: nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: 805,8 tỷ đồng.

a) Cơ chế tài chính:

Với tổng nhu cầu về vốn để thực hiện Đề án, dự kiến kinh phí thực hiện Đề án được xác định từ các nguồn vốn sau đây:

- Vốn ngân sách: 546,9 tỷ đồng (chiếm 55%).

- Vốn dân đóng góp: 46,322 tỷ đồng (chiếm 5%).

- Vốn tài trợ không hoàn lại từ các Chính phủ và các tổ chức quốc tế: 395,48 tỷ đồng (chiếm 40%).

b) Giai đoạn thực hiện và phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 1 (2009 - 2010): 75,4 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2 (2011 – 2015): 366,4 tỷ đồng.

- Giai đoạn 3 (2016 - 2020): 546,9 tỷ đồng.

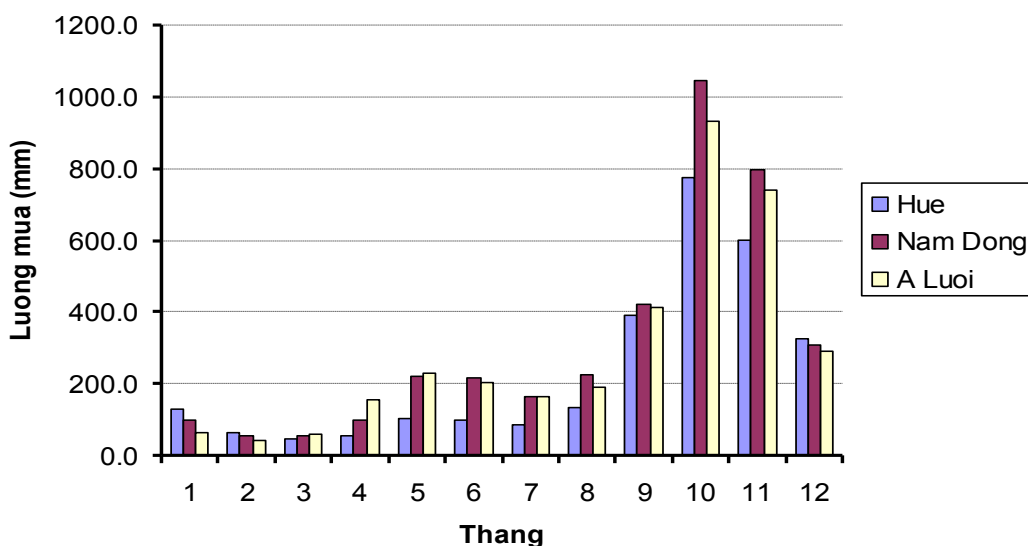
Tổng quan địa bàn nghiên cứu: xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tình hình thiên tai tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Tỉnh Thừa Thiên Huế nằm khu vực ven biển miền Trung Việt Nam giáp tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với chiều dài 111.671 km và 120 km bờ biển. Là tỉnh có địa hình đa dạng và vị trí địa lý đặc biệt. Do đó, hàng năm thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai: bão, lũ lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông và xói lở bờ biển, đặc biệt là bão và lũ lụt gây thiệt hại về người và tài sản [27].

Lũ, ngập lụt: Mùa lũ chính vụ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Tổng lưu lượng dòng chảy trong mùa mưa lũ chiếm 65% tổng dòng chảy năm. Bên cạnh lũ chính vụ, lũ sớm xuất hiện trong tháng 5, 6, 8, 9, có lũ muộn xảy ra trong tháng 1.

Lũ, ngập lụt là loại hình thiên tai gây ra thiệt hại nặng nề đối với sản xuất hàng năm nói riêng và gây ra nhiều thiệt hại cho tỉnh Thừa Thiên Huế.



(Nguồn: Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế)

Hình 1.1: Biểu đồ lượng mưa trung bình tháng tại một số trạm ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Bão và áp thấp nhiệt đới: Theo số liệu theo dõi bão từ 1952 đến 2012 (61 năm) của Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế đã có 38 cơn bão và ATNĐ ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh (gây ra gió mạnh bằng hoặc trên cấp 6), bằng 12% số cơn bão ảnh hưởng đến Việt Nam cùng thời kỳ, trong đó có 5 cơn bão mạnh và rất mạnh là: bão ngày 30/10/1952 vào Huế sức gió cấp 12 (122km/h), bão BABS ngày 16/9/1962: cấp 12 (118km/h), bão TILDA ngày 22/9/1964 cấp 13 (137km/h), bão PATSY ngày 15/10/1973 cấp 11 (104km/h) và bão CECIL ngày 16/10/1985 cấp 11 (104km/h) [27].

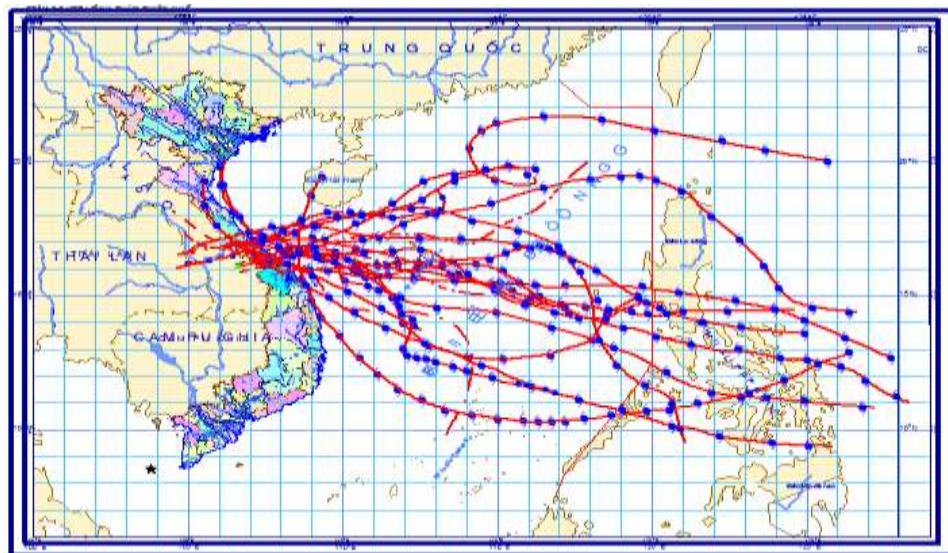
Mùa bão ở Thừa Thiên Huế bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11 hàng năm, trong đó tháng 9 chiếm tần suất cao nhất với 35%, sau đó đến tháng 10 chiếm 20%, tháng 6, 8, 11 chiếm 10%, tháng 5, 7 chiếm 7,5%. Trung bình hàng năm có 0,7 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến Thừa Thiên Huế, năm nhiều bão nhất là 3 cơn (1971), năm ít bão nhất không có cơn nào. Tần suất không có bão chiếm trên 50%.

Tốc độ gió bão trung bình ở Thừa Thiên Huế là 76 km/h tương đương với cấp 9, mạnh nhất có thể lên tới cấp 13 (137km/h). Theo tính toán thì cứ 10

năm sẽ xuất hiện bão cấp 10 và 20 năm thì mới có bão cấp 12. Vùng ven biển và đầm phá Thừa Thiên Huế là nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của bão, điển hình là trận bão CECIL 1985 và trận bão YANGSANE 2006. Mức độ ảnh hưởng của bão giảm dần từ Bắc vào Nam. Nếu như thành phố Huế hàng năm chịu ảnh hưởng 0,7 cơn bão và ATNĐ thì ở Chân Mây – Lăng Cô chỉ có 0.41 cơn, trong đó các tháng đầu và giữa mùa bão số cơn bão ảnh hưởng tới Huế nhiều hơn Chân Mây – Lăng Cô [27].

Bên cạnh những tác hại gây ra bởi gió mạnh, bão và áp thấp nhiệt đới cũng gây ra lũ lụt do mưa lớn. Bão kết hợp với lũ là hình thái thời tiết rất nguy hiểm gây ra nhiều thiệt hại trong mùa mưa bão năm 1985 và 2006.

Trong những năm gần đây, dưới tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, thiên tai tại Thừa Thiên Huế có diễn biến phức tạp, không dự đoán được có xu hướng tăng cả cường độ và tần số gây ra thiệt hại lớn về người và tài sản.



(Nguồn: Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế)

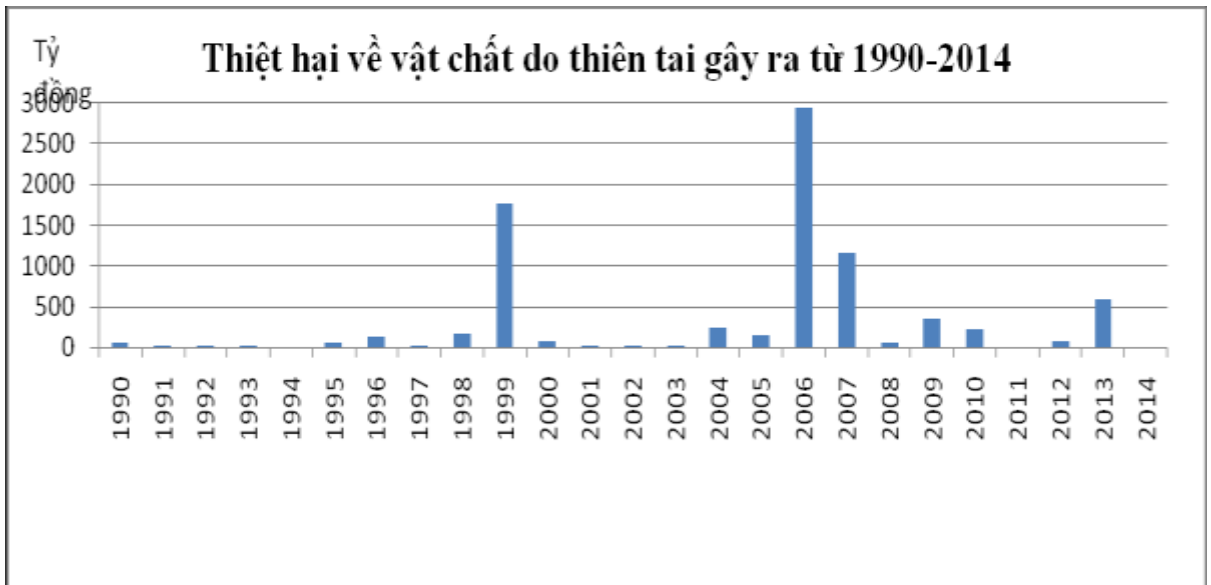
Hình 1.2: Đường đi của các trận bão ảnh hưởng đến tỉnh Thừa Thiên Huế từ 1954-2012



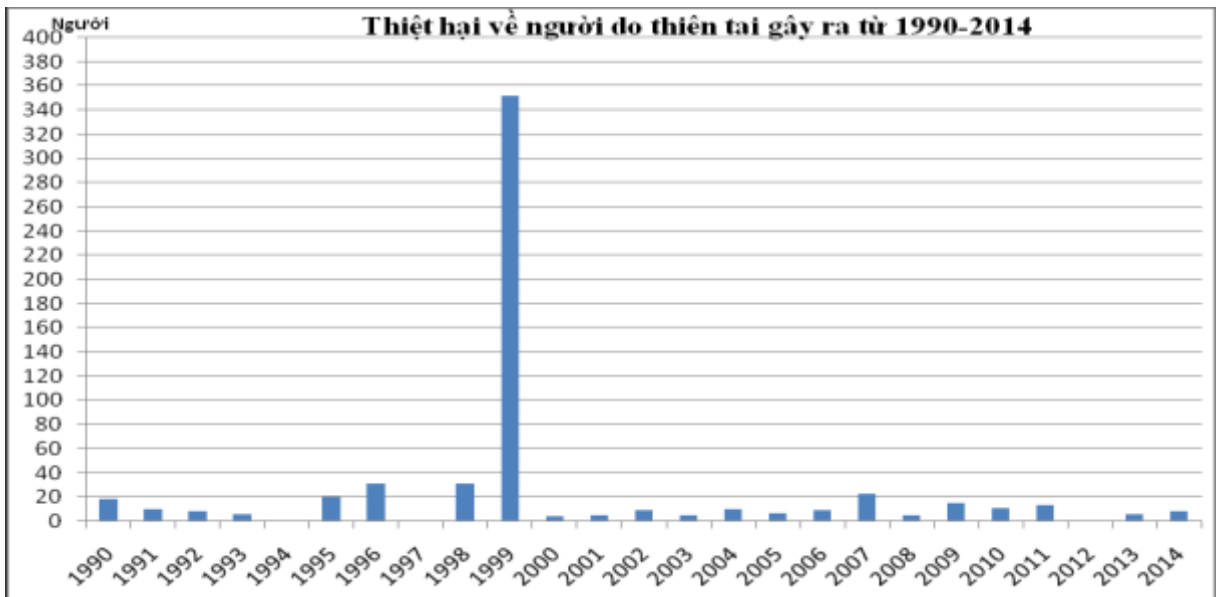
(Nguồn: Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế)

Hình 1.3: Một số hình ảnh về trận lũ lịch sử năm 1999 tại Thừa Thiên Huế

Theo số liệu thống kê của Văn phòng thường trực ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế trong 25 năm qua, từ 1990-2014, thiên tai đã làm 608 người chết, trung bình 24 người chết/năm gây thiệt hại vật chất ước tính khoảng 8.168 tỉ VNĐ đồng, trung bình 327 tỷ đồng/năm [27].



Hình 1.4: Thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra tại Thừa Thiên Huế từ năm 1990-2014

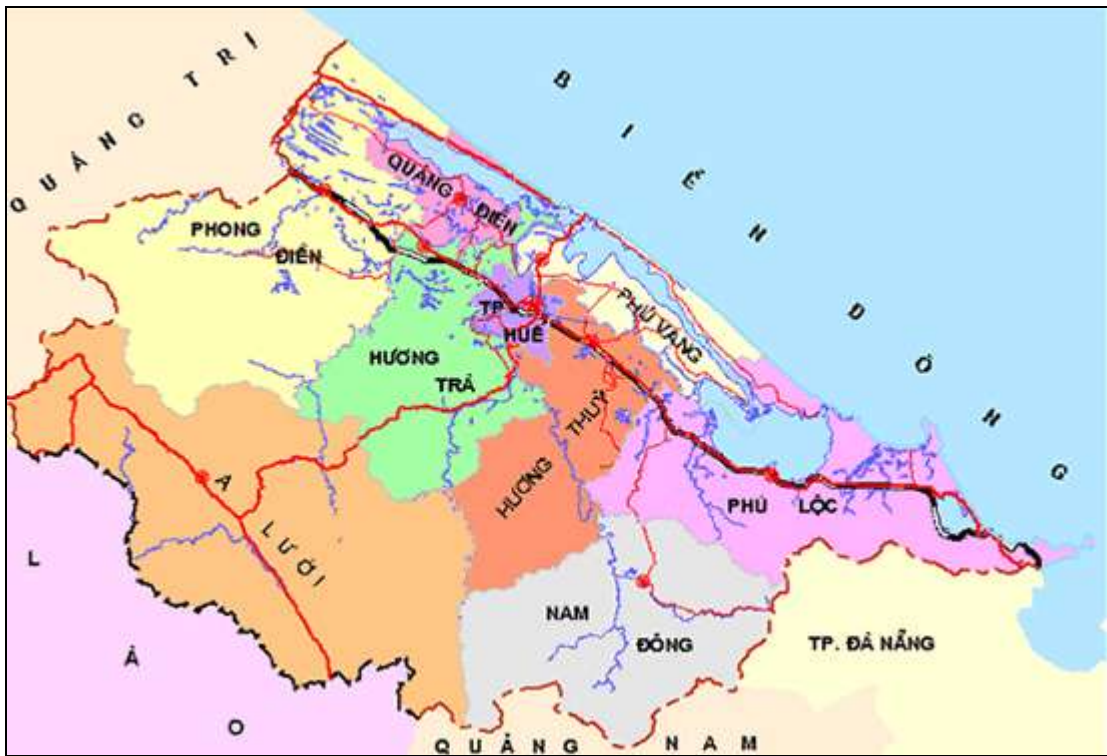


(Nguồn: Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế)

Hình 1.5: Thiệt hại về người do thiên tai gây ra tại Thừa Thiên Huế từ 1990-2014

Vị trí địa lý và đặc điểm của xã Quảng Thành

Xã được lựa chọn để tiến hành nghiên cứu là xã Quảng Thành, một xã ven biển thuộc huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế.

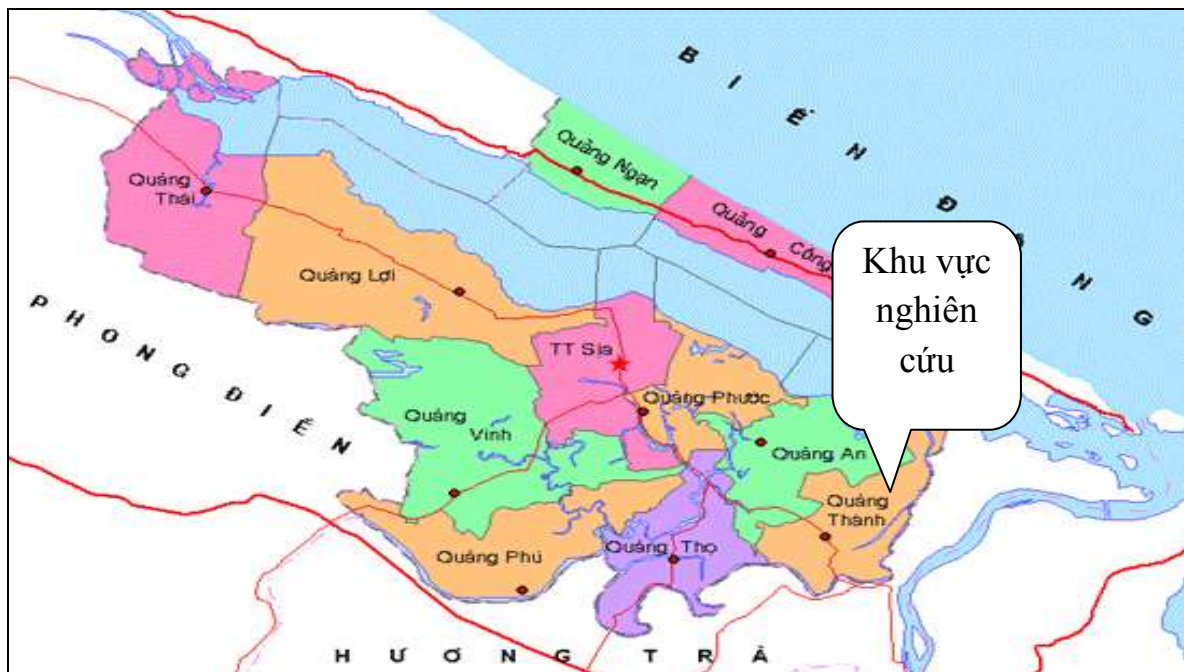


(Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế)

Hình 1.6: Bản đồ Hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế

Quảng Điền là huyện nằm ở phía Bắc tỉnh Thừa Thiên Huế, cách thành phố Huế khoảng 10-15 km. Phía Đông và Nam giáp thị xã Hương Trà, phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Phong Điền, phía Bắc và Đông Bắc giáp biển Đông. Tổng diện tích của huyện Quảng Điền là 163,0km², dân số 84.984 người. Có 11 đơn vị hành chính gồm 10 xã và 1 thị trấn cụ thể là thị trấn Sịa, Quảng Phú, Quảng Vinh, Quảng An, Quảng Thọ, Quảng Thành, Quảng Phước, Quảng Lợi, Quảng Thái, Quảng Ngạn và xã Quảng Công [11].

Xã Quảng Thành là xã vùng ven phá Tam Giang, cuối hạ lưu sông Bồ và sông Hương thuộc huyện Quảng Điền, cách trung tâm huyện lỵ 7km về phía Đông Nam và cách thành phố Huế 7 km về phía Đông Bắc. Phía Bắc giáp với xã Quảng An và phá Tam Giang; phía Nam giáp xã Hương Vinh, Hương Toàn thuộc thị xã Hương Trà; phía Đông giáp xã Hương Phong; phía Tây giáp xã Quảng Thọ. Diện tích tự nhiên của xã Quảng Thành là 1.074,32 ha trong đó đất thổ cư 100,31ha, đất nông nghiệp là 684,79ha, đất nuôi trồng thủy sản là 92,38ha, đất trồng lúa 561,44ha, đất trồng cây 30,6ha, đất khác 289,82 [24].



(Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế)

Hình 1.7: Bản đồ Hành chính huyện Quảng Điền

Đặc điểm nhân khẩu của xã Quảng Thành: Theo báo cáo Đánh giá năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành năm 2015, đặc điểm nhân khẩu học của xã như sau [24]:

- Số hộ gia đình: 2.815 hộ;
- Tổng số dân: 12.241 người;
- Đối tượng xã hội: 515 người (bao gồm người khuyết tật, bị bệnh hiểm nghèo...);
- Người già trên 60: 2.325 người;
- Phụ nữ đơn thân: 565 người;
- Trẻ em dưới 16 tuổi: 2.404 người;
- Phụ nữ mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi: 325 người;
- Số hộ nghèo: 137 hộ;
- Số người cần sơ tán, di dời trước thiên tai: 860 người.

Đặc điểm kinh tế địa phương của xã Quảng Thành

Theo báo cáo “Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2015 và phương hướng kế hoạch 2016” tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của xã Quảng Thành là 8,56% đạt 85,31%, trong khi kế hoạch đề ra là 10,14%, trong đó [25]:

- Dịch vụ và thương mại tăng 11,50 %;
- Tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng 12,08%;
- Nông, ngư nghiệp tăng: 2,74%;

Tổng thu nhập bình quân đầu người 24,9 triệu/người/năm, cơ cấu giá trị sản xuất tiếp tục có chuyển biến tích cực, tỷ trọng sản xuất Tiểu thủ công nghiệp-xây dựng là 30,95%; dịch vụ thương mại là 41,77%; nông ngư nghiệp còn 27,28%. Cơ cấu lao động nông-ngư nghiệp giảm từ 50,95% xuống còn 48,50%; lao động tiểu thủ công nghiệp-xây dựng tăng từ 15,27% lên 17,30%; lao động dịch vụ thương mại tăng từ 33,78% lên 34,20%.

Năm 2015, là một năm cơ bản được mùa với năng suất đạt 138,35 tạ/ha/năm, tổng sản lượng thóc cả năm 7.609 tấn, giảm 8,56 tạ/ha và sản lượng giảm 470 tấn so với năm 2014. Tuy nhiên, giá gạo thấp dẫn đến thu nhập của người dân bị giảm, hoạch toán thu nhập khoảng 50% so với giá trị sản xuất. Giá gia súc gia cầm giảm, trong khi giá thức ăn chăn nuôi tăng, hoạch toán thu nhập khoảng 45% so với giá trị sản xuất dẫn đến nhiều khó khăn hơn cho cuộc sống của người dân ...

Theo bà Nguyễn Thị Dạ Thảo - Phó chủ tịch UBND xã Quảng Thành, trong thời gian tới sẽ tập trung “Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp; Phát triển kinh tế nhiều thành phần. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp tư nhân đẩy mạnh thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Thúc đẩy quá trình hình thành, phát triển các doanh nghiệp tư nhân, hộ cá thể với các hình thức đa dạng, để vừa đáp ứng nhu cầu sản phẩm, đồng thời tạo việc làm cho lao động tại địa phương”.

Đặc điểm giáo dục tại xã Quảng Thành: Trên địa bàn xã có 05 trường học, trong đó có 1 trường trung học cơ sở Đặng Tất. Theo báo cáo “Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2015 và phương hướng kế hoạch 2016” số lượng và chất lượng ngành giáo dục của xã Quảng Thành trong giai đoạn 2014-2015 đạt được kết quả như sau [25]:

Tổng số học sinh trong toàn xã 2.116 học sinh trong đó:

- Trung học phổ thông: 315 học sinh;
- Trung học cơ sở: 650 học sinh;
- Tiểu học: 689 học sinh;
- Mẫu giáo: 426 học sinh, tăng 1,69% so với năm trước;

Tình hình học sinh bỏ học giảm dần, toàn xã có 12 em bỏ học (chủ yếu là lớp 9 do học lực yếu các em chuyển sang học nghề).

- Giáo dục mầm non: Trẻ suy dinh dưỡng ở nhà trẻ 3,5%; mẫu giáo 4,7%;
- Giáo dục tiểu học: Về phẩm chất đạt 100%; về năng lực đạt 100%;
- Giáo dục trung học cơ sở: Giỏi 15,49% (tăng 2,74%); Yếu 4,91% (giảm 1,1%)
- Chất lượng mũi nhọn: Học sinh giỏi cấp huyện 08, cấp tỉnh 01 (tăng 3 học sinh giỏi cấp huyện);
- Tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học 100%; Tốt nghiệp Trung học cơ sở 99,43% (tăng 0,62%); tốt nghiệp trung học phổ thông 94,45%.
- Tốt nghiệp cấp tiểu học: 100%;
- Tốt nghiệp trung học cơ sở: 97,4%;
- Tốt nghiệp trung học phổ thông: 100%;
- Số học sinh được vào đại học 64 em, cao đẳng 14 em tăng 19 em so với 2014.

Qua báo cáo cho thấy, Chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của xã, cả về số lượng và chất lượng.

Đặc điểm thiên tai và ảnh hưởng do thiên tai gây ra tại xã Quảng Thành

Do vị trí địa lý xã Quảng Thành thường xuyên bị ảnh hưởng bởi các loại thiên tai như: Rét lạnh theo mùa, lốc xoáy, hạn hán do nằm cuối hạ lưu của sông Bồ, bão, lũ lụt ngập sâu, kéo dài nhiều ngày do xã nằm cuối hạ lưu hai sông: sông Hương và sông Bồ. Nhiễm mặn do thủy triều dâng và xã có một số cư dân sống và sản xuất nông nghiệp ở vùng ruộng sâu cấp phá Tam Giang nên ảnh hưởng đến đời sống người dân sống trong xã [24].

Theo báo cáo của UBND xã Quảng Thành, năm 2014 xã chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng hoạt động mạnh và liên tục, nhiều đợt nắng nóng kéo dài nhất là đợt nắng nóng từ 10/5-9/6 đã ảnh hưởng đến sản xuất và chăm bón lúa Hè Thu; ảnh hưởng của đợt lũ do mưa lớn từ 30/11-03/12/2014 gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và cuộc sống hàng ngày của người dân. 150 nhà bị ngập (từ 10-20cm), 15 ha rau bị ngập; 50 mét kênh bị sập; 30 mét đê bị sạt. Tổng thiệt hại do lũ lụt gây ra ở xã ước tính trên 200 triệu đồng.



(Nguồn: Ủy ban Nhân dân xã Quảng Thành)

Hình 1.8: Lũ lụt tại trụ sở UBND xã Quảng Thành năm 2014

Xã Quảng Thành gồm 9 thôn: thôn Phú Lương A, Tây Thành, Phú Ngạn, Thanh Hà, An Thành, Thành Trung, Thủy Điền, Kim Đôi và thôn Quán Hòa. Năm 2015, Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành đã tiến hành đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó đã tiến hành xếp hạng thiên tai trên địa bàn 9 thôn theo thang điểm 10 tại xã với sự tham gia của cán bộ thôn, các

tổ chức đoàn thể và người dân tại 9 thôn cùng trao đổi và nhận dạng các loại hình thiên tai tại địa bàn trên từng thôn để người dân biết được các mối nguy hiểm mà họ có thể gặp phải để chủ động các biện pháp phòng ngừa và ứng phó khi thiên tai xảy ra [24].

Bảng 1.1: Xếp hạng thiên tai theo địa bàn các thôn của xã Quảng Thành

Thông tin xếp hạng	Kết quả xếp hạng các thôn trên địa bàn xã								
	Phú Lương A	Tây Thành	Phú Ngạn	Thanh Hà	An Thành	Thành Trung	Thủy Điền	Kim Đôi	Quán Hoà
Bão	6	9	2	7	4	8	3	5	1
Lụt	1	7	5	4	2	6	3	8	9
Hạn hán	1	4	5	6	2	9	7	8	3
Rét	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Lốc	3	9	6	7	2	8	5	4	1
Tổng	12	30	19	25	11	32	19	26	15

(Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành 2015)

Qua kết quả xếp hạng trên cho thấy, các thôn bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi thiên tai lần lượt là Trung Thành, Tây Thành, tiếp đến là các thôn Kim Đôi, Thanh Hà, Phú Ngạn, các thôn ít bị ảnh hưởng nhất trong xã là Quán Hoà, Phú Lương A và An Thành.

Bảng 1.2: Thiệt hại do thiên tai gây ra tại xã Quảng Thành

TT	Thiên tai	Thời gian xảy ra	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại
1	Bão (số 8)	1985	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - 65 người chết. - Trên 90% nhà cửa đổ, sập, tóc mái và hư hỏng nặng. - 18 thuyền, đò chìm, cuốn trôi, vỡ, nát - 32 phòng học đổ sập, tóc mái, hệ thống giao thông, công trình thủy lợi hư hỏng nặng phải nhiều năm sau mới khắc phục được. - Trên 90% cây xanh, ăn quả gãy đổ - Hơn 100 tấn lúa bị ước, hư hỏng. - Gia súc, gia cầm: toàn bộ vật nuôi bị gió

TT	Thiên tai	Thời gian xảy ra	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại
				thời bay và nước cuốn trôi. - Áo quần, đồ dùng dạy và học bị cuốn bay mất, bị ướt. - Môi trường ô nhiễm nghiêm trọng do xác súc vật và người chết.
2	Lũ lịch sử	Tháng 11 Năm 1999	Toàn xã	- 04 người chết. - Nhà dân ngập 100%, trong đó nhà sập và trôi trên 50% - Sạt lở hơn 1km đường giao thông, 1,2km kênh mương và đê đập thủy lợi. - Trên 5000 cây xanh, cây ăn quả gãy đổ. - Hơn 1.500 tấn lương thực bị ướt và trôi; trong đó có trên 50 tấn thóc giống. - Chết và trôi 80 con trâu; 62 con bò; 420 con lợn; trên 30.000 gà vịt. - Trôi 280 bộ bàn ghế học sinh, sách vở, hồ sơ dạy và học ướt hoàn toàn, gần 40% hộ gia đình có áo quần, vật dụng gia đình như bàn ghế, giường tủ bị cuốn trôi - Môi trường ô nhiễm nghiêm trọng do xác súc vật và người chết, các hoạt động sinh kế hoàn toàn ngưng trệ...
3	Lốc xoáy	Tháng 9 Năm 2006	5 thôn: Kim Đồi, Thành Trung, Tây Thành, Phú Ngạn, Phú Lương A	- 08 nhà tốc mái 100%; 18 nhà tốc mái 50% trở lên. - 20 ha lúa ngã đổ, 6 ha hoa màu; rau xanh dập nát hoàn toàn.
4	Lũ kép	Tháng 10 Năm 2007	Toàn xã: 9/9 thôn	- Giao thông bị chia cắt - Các hoạt động sinh kế bị ngưng trệ. - Trên 1.200 học sinh nghỉ học. - Môi trường ô nhiễm. Bệnh tiêu chảy, bệnh ngoài da bùng phát
5	Rét đậm, rét hại	Tháng 2 năm 2010	Toàn xã: 9/9 thôn	- 156 ha lúa phải gieo xạ lại. Với lượng giống gần 19 tấn - Hư hại 35 ha rau xanh - Gia súc gia cầm bị chết - Bệnh đỏ mắt cho nhiều người
6	Lũ	Cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 2014	5 Thôn: Phú Lương A, Thanh Hà, Tây Thành, Phú Ngạn, An Thành	- 150 nhà bị ngập (từ 10-20cm) - Hư hại 15 ha rau cá loại - Sạt lở 50 mét kênh mương - Cầu Thành Tây bị hư hỏng nặng

TT	Thiên tai	Thời gian xảy ra	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại
7	Lũ trái vụ	Tháng 3 Năm 2015	2 thôn: Phú Lương và Thôn Tây Thành Thôn Phú Ngạn Thôn Thanh Hà	- Hư hại 40 ha lúa đông xuân đang trong thời kỳ trổ tỷ lệ 70%

(Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành 2016)

Từ bảng trên, có thể thấy thiệt hại do thiên tai gây ra tại xã Quảng Thành là rất lớn. Đặc biệt là cơn bão số 8 năm 1985 và trận lũ lịch sử năm 1999 đã gây thiệt hại nặng nề tại huyện Quảng Điền nói chung và xã Quảng Thành nói riêng. Đến giờ nhiều người vẫn chưa quên hình ảnh hãi hùng mà cơn bão số 8 tàn phá vào cuối tháng 10 năm 1985. Sau cơn bão có lưu truyền một bài về với tiêu đề “Nhớ bài về cơn bão 85” kể về tác động tàn khốc của trận bão đối với người dân tỉnh Thừa Thiên Huế, nội dung bài về tại Phụ lục 4.

Một bài báo trên Tạp chí Sông Hương năm 1999 với tiêu đề “Quảng Điền đang lo sau lũ” ở Phụ lục 5 cho thấy sức tàn phá và ảnh hưởng của trận lũ lịch sử năm 1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó Quảng Điền là một trong những huyện bị lũ lụt nặng nề nhất. Chỉ với ảnh hưởng của một trận lũ đã đẩy lùi thành quả phát triển 10 năm của huyện với thiệt hại: 42 người chết, 130.000 tấn lúa bị thối, 3.078 con trâu bò bị chết, 7.000 con lợn bị cuốn trôi, 34km đê bị vỡ. Trong trận lũ ấy, Quảng Thành là một trong những xã bị ảnh hưởng nặng nề, đê Nho Lâm bên sông Bồ vỡ nước đổ vào cuồn cuộn, 1.200 dân Quảng Thành đổ xô vào ở trong trường trung học cơ sở của xã.

Sau lũ, 6 vạn người bị mất hết lúa gạo, không còn hạt thóc trong nhà. Với họ đói không phải một vài ngày, một vài tháng, ít nhất phải 6 tháng sau, khi gặt lúa mùa, dân mới tự túc được; 3 vạn người bị trôi trên 5.000 ngôi nhà; 670 thuyền bị chìm, vỡ; 300ha hồ nuôi tôm bị phá hủy; hàng vạn con trâu bò, lợn gà chết bắt đầu vào giai đoạn thối giữa gây dịch bệnh và ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước.

Do đó, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế được lựa chọn là địa bàn nghiên cứu điển hình để đánh giá việc triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Khái niệm làm việc

Để có cơ sở đánh giá, nhìn nhận vấn đề nghiên cứu, chúng ta cần dựa trên những khái niệm làm việc sau:

Nâng cao nhận thức là một khái niệm rộng và hơi mơ hồ, nghiên cứu về Nâng cao nhận thức cho người khuyết tật cho thấy "Nâng cao nhận thức nói chung, được hiểu là một tác động có tính xây dựng và có khả năng xúc tác mà cuối cùng dẫn đến một sự thay đổi tích cực trong hành động và hành vi. Những thay đổi này có thể thấy được ở các bên liên quan trong các cá nhân, nhóm, tổ chức, cộng đồng hay xã hội".

Theo Richard Sayer 2006, về các nguyên tắc nâng cao nhận thức đã chỉ ra rằng nâng cao nhận thức là để thông tin và giáo dục mọi người về một chủ đề hoặc vấn đề với ý định ảnh hưởng đến thái độ, hành vi và niềm tin của họ đối với việc đạt được một mục đích hay mục tiêu xác định. Để làm cho khái niệm này rõ ràng hơn, Mar.zavala cũng đề cập "Nâng cao nhận thức" có nghĩa là làm cho mọi người nhận thấy điều này và do đó làm cho họ cam kết một cái gì đó; Đưa ra một ý tưởng trong đầu của một người và dẫn họ đến một "Nhận thức"; Làm cho mọi người hiểu rằng họ cần phải làm một cái gì đó [38].

Nhận thức cộng đồng bao gồm các quá trình truyền tải thông tin đến toàn thể người dân, nâng cao nhận thức của người dân về rủi ro thiên tai và cách thức hành động để giảm thiểu nguy cơ tiếp xúc với rủi ro. Công tác này đặc biệt quan trọng đối với các cán bộ chính quyền, nhằm giúp họ hoàn thành trách nhiệm bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân khi xảy ra hiểm họa. Các hoạt động nhận thức cộng đồng thúc đẩy những thay đổi trong hành vi của người dân, hướng đến việc hình thành văn hoá giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong cộng đồng. Hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng bao gồm hệ thống thông tin

liên lạc công cộng, chia sẻ thông tin, giáo dục, đài phát thanh và truyền hình, ấn phẩm. Bên cạnh đó cần thiết lập các trung tâm và mạng lưới thông tin, kế hoạch hành động tại địa phương [30].

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một quá trình trong đó các cộng đồng đang đối mặt với rủi ro thiên tai tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro, lập kế hoạch thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng của cộng đồng. Điều đó có nghĩa chính người dân là trung tâm của toàn bộ quá trình ra quyết định thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai. Người dân cần được xây dựng năng lực để có thể đánh giá các rủi ro và thực hiện hành động. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro này có thể bao gồm các hoạt động giảm nhẹ và phòng ngừa trước khi thiên tai xảy ra cho đến các biện pháp ứng phó và phục hồi trong và sau thiên tai [19].

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác [9].

Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội [9].

Tình trạng dễ bị tổn thương là các điều kiện được quy định bởi các quá trình hay các yếu tố môi trường, kinh tế, xã hội và cơ sở vật chất, làm tăng nguy cơ dễ bị ảnh hưởng bởi rủi ro của cộng đồng – UNISDR [30].

Cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được hiểu là một nhóm người chia sẻ chung một hay vài thứ, ví dụ như sống trong cùng một môi trường có khả năng chịu ảnh hưởng của cùng một nguy cơ thiên tai hay ảnh hưởng của một thiên tai. Họ cũng có thể chia sẻ niềm hy vọng, mối quan tâm, bận tâm chung liên quan đến rủi ro thiên tai. Tuy nhiên, người dân sống

trong cộng đồng có khả năng cũng như tình trạng dễ bị tổn thương là khác nhau, ví dụ nam giới và nữ giới, một số có thể có nhiều khả năng, năng lực hơn, một số khác dễ bị tổn thương hơn [19].

Quản lý rủi ro thiên tai là một quá trình có hệ thống vận dụng các quyết định về quản lý, kỹ năng tổ chức, các kỹ năng và năng lực chuyên môn, để triển khai các chính sách, chiến lược và năng lực ứng phó của xã hội và các cộng đồng, nhằm giảm thiểu tác động của hiểm họa tự nhiên và thiên tai về môi trường và công nghệ có liên quan khác. Quản lý rủi ro thiên tai bao gồm nhiều loại hình hoạt động, từ các biện pháp công trình đến biện pháp phi công trình, giúp phòng tránh (ngăn ngừa) hay hạn chế (giảm nhẹ và phòng chống) những ảnh hưởng tiêu cực của hiểm họa [19].

Người dân ở cộng đồng vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu của quá trình triển khai hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Người dân quyết định và triển khai thực hiện các hoạt động trong đó nhấn mạnh việc tham gia của những cộng đồng người có nguy cơ bị tổn thương lớn nhất và sự hỗ trợ của cộng đồng người có nguy cơ bị tổn thương ít hơn, cũng như hỗ trợ từ bên ngoài.

Tùy theo mỗi địa điểm, loại hình thiên tai hay đặc điểm của từng nhóm dân cư, cộng đồng ở vùng thiên tai khác nhau mà có các cách thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng khác nhau. Tuy nhiên, các kinh nghiệm thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng đều dựa trên một số nguyên tắc cơ bản. Đây là định hướng cho bất cứ hoạt động hoặc giai đoạn nào trong quá trình quản lý rủi ro thiên tai [19].

Bảng 1.3. Các nguyên tắc cơ bản trong QLRRTT-DVCD

- | |
|--|
| <p>a) Cộng đồng đóng vai trò trung tâm và chủ động trong quá trình quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.</p> <p>b) Ưu tiên các can thiệp và giải pháp hỗ trợ cho nhóm người dễ bị tổn thương nhất trước thiên tai.</p> <p>c) Ghi nhận sự khác nhau trong cách nhận thức về rủi ro, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của cộng đồng.</p> |
|--|

- d) *Đòi hỏi áp dụng các giải pháp tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực.*
- e) *Lồng ghép các hoạt động giảm thiểu rủi ro thiên tai vào các chương trình phát triển kinh tế xã hội địa phương.*
- g) *Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng là phương pháp tiếp cận linh hoạt và liên tục phát triển.*
- h) *Giảm thiểu rủi ro thiên tai và thiệt hại cho cộng đồng dân cư là mục đích cao nhất của quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.*
- i) *Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng là cách tiếp cận hiệu quả và trực tiếp nhất để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.*

(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và Hợp tác quốc tế)

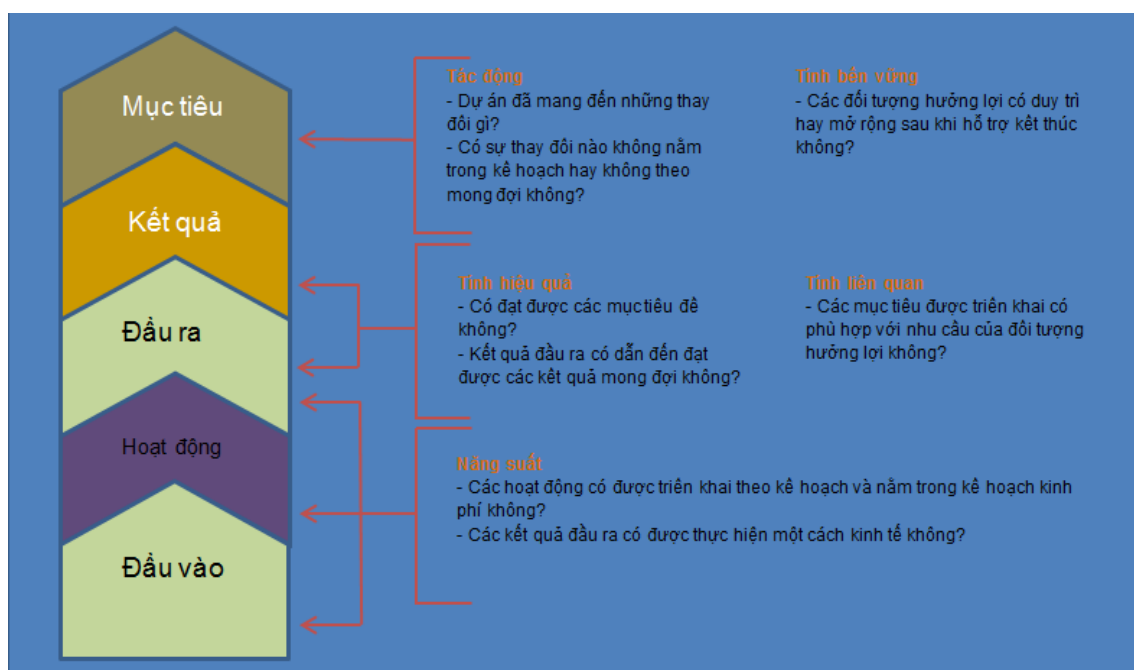
1.2.2. Lý thuyết vận dụng

Theo Tổ chức Hợp tác kinh tế và Phát triển, đánh giá là một hoạt động trong một thời gian cụ thể, nhằm xem xét một cách hệ thống và khách quan mức độ hiệu quả và thành công, hoặc thiếu sót của những chương trình đang thực hiện hoặc đã hoàn thành. Việc đánh giá được thực hiện một cách có chọn lọc để (i) Trả lời các câu hỏi cụ thể để định hướng cho các nhà hoạch định chính sách hoặc các nhà quản lý chương trình; (ii) Cung cấp thông tin về việc liệu các lý thuyết và giả định được sử dụng khi thực hiện chương trình có đúng hay không, cái gì làm được và cái gì không làm được, lý do tại sao. Việc đánh giá thường nhằm mục đích xác định mức độ phù hợp, giá trị của thiết kế, hiệu suất, hiệu quả, tác động và tính bền vững của một chương trình [34].

Hơn thế, đánh giá giúp nắm bắt và phổ biến các bài học và kinh nghiệm thực hành tốt. Dự án sẽ đem lại những bài học hữu ích, cả về thành công và thất bại trong việc thực hiện dự án và các tác động tích cực, tiêu cực cũng như xây dựng các kinh nghiệm thực hành tốt để đạt được mục đích. Việc đánh giá sẽ nắm bắt một cách có hệ thống những điều này và đảm bảo không phải chỉ là để xây dựng tài liệu, phổ biến rộng rãi trong nội bộ dự án mà còn ra bên ngoài. Ngoài ra, những kinh nghiệm thực hành tốt và các bài học thu được từ bên ngoài dự án cũng sẽ được đưa vào trong dự án để áp dụng và thử nghiệm.

Đánh giá liên quan đến việc xác định và phản ánh các tác động của những gì đã được thực hiện và đánh giá mức độ ảnh hưởng. Các phát hiện

thông qua đánh giá cho phép người quản lý dự án/chương trình, đối tượng hưởng lợi, đối tác và các nhà tài trợ và các cán bộ quản lý dự án, chương trình và các bên liên quan khác học hỏi từ những kinh nghiệm và để cải thiện các can thiệp trong tương lai. Hình dưới tóm tắt câu hỏi đánh giá quan trọng liên quan đến các mục tiêu khung logic, có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các việc đã được thực hiện như thế nào và đã tạo ra được những khác biệt gì [34].



(Nguồn: IFRC năm 2011)

Hình 1.9: Tóm tắt các câu hỏi đánh giá quan trọng liên quan đến mục tiêu

Theo ICRC, 2008: Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả, kết quả (results) là những tác động của can thiệp. Các tác động này có thể theo dự định hoặc ngoài ý muốn, tích cực hay tiêu cực. Có ba cấp độ kết quả: kết quả đầu ra, kết quả và tác động [33].

Kết quả đầu ra (outputs) là các sản phẩm, hàng hóa, vốn và dịch vụ được tạo ra bởi một can thiệp, bao gồm thay đổi phát sinh từ sự can thiệp có liên quan đến việc đạt được kết quả. Kết quả đầu ra là mức độ đầu tiên của kết quả. Đây chính là những tác động trực tiếp nhất của một hoạt động mà bạn có thể kiểm soát được nhiều nhất.

Kết quả (outcomes) là những tác dụng trung hạn có khả năng hoặc đạt được các kết quả can thiệp. Kết quả là mức độ thứ hai của kết quả. Bạn kiểm soát kết quả này ít hơn so với kết quả đầu ra, nhưng các kết quả này là rất cần thiết vì chúng đại diện cho những thay đổi hữu hình mà bạn đang cố gắng để mang lại.

Tác động (impacts) là những ảnh hưởng của một can thiệp, dù là tích cực hay tiêu cực, trực tiếp hoặc gián tiếp, chủ định hay không chủ định. Tác động là cấp độ thứ ba của kết quả. Chúng tạo nên "bức tranh lớn" của những thay đổi mà bạn đang hướng tới nhưng nếu chỉ có các hoạt động của bạn thì có thể không đạt được. Tác động đại diện cho các mục tiêu cơ bản và biện minh cho sự can thiệp.

Có nhiều loại đánh giá, có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau. Cách tiếp cận và phương pháp được sử dụng trong việc đánh giá được xác định bởi người đánh giá và mục đích của việc đánh giá. Điều quan trọng cần nhớ là các loại đánh giá là không loại trừ lẫn nhau và thường được sử dụng kết hợp. Ví dụ, một đánh giá độc lập cuối cùng dự án là một loại đánh giá tổng kết và có thể sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia. Lý tưởng nhất là có được sự tham gia của các bên liên quan càng nhiều càng tốt trong quá trình đánh giá. Bao gồm sự tham gia của cán bộ tham gia từ cấp trung ương, các thành viên của cộng đồng, chính quyền địa phương, các đối tác, các nhà tài trợ... vv. Sự tham gia giúp đảm bảo phản ánh được các quan điểm khác nhau được ghi nhận, và nó củng cố từ việc học hỏi và quyền sở hữu của các kết quả đánh giá.

Qua nghiên cứu đánh giá quá trình xây dựng và thực hiện đề án nhằm xác định ảnh hưởng của các kết quả và tác động tích cực cũng như tiêu cực nhằm rút ra bài học làm cơ sở để xuất các giải pháp để góp phần thực hiện có hiệu quả đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong giai đoạn tiếp theo.

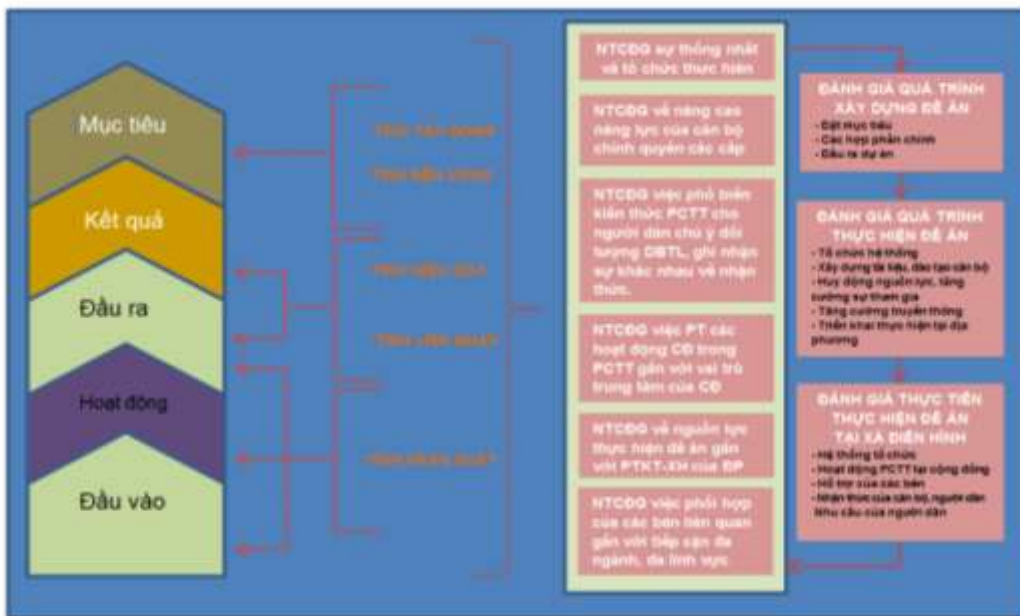
Căn cứ pháp lý triển khai Nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng:

- Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 “Việc thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai nhằm cung cấp kiến thức về các loại thiên tai, tác động của thiên tai, biện pháp phòng, chống thiên tai” [9].

Chiến lược Quốc gia Phòng, chống và Giảm nhẹ thiên tai đến 2020, một trong những nhiệm vụ giải pháp chung của Chiến lược là “Nâng cao nhận thức của cộng đồng, Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, chống và giảm nhẹ thiên” [12].

Nghị quyết 24-NQ/TW với Mục tiêu tổng quát “Đến năm 2020, về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai...”[2].

Khung logic đánh giá Đề án



Hình 1.10: Khung logic đánh giá Đề án

Nghiên cứu đánh giá này tập trung đánh giá 3 vấn đề: (1) Quá trình xây dựng đề án, (2) quá trình thực hiện đề án và (3) thực tiễn thực hiện đề án tại một xã điển hình khu vực miền Trung.

Trên cơ sở cách tiếp cận đánh giá dựa trên kết quả với các đặc tính cần xem xét về tính tác động, tính bền vững liên quan đến mục tiêu; tính hiệu quả, tính liên quan liên quan đến kết quả và đầu ra, tính năng suất liên quan đến

hoạt động và đầu vào và nội dung chính của đề án, nghiên cứu đã tổng hợp 06 nhóm tiêu chí đánh giá nêu tại hình trên.

Cần lồng ghép các vấn đề phát triển bền vững, biến đổi khí hậu trong QLRRTT-DVCD để thích ứng và giảm nhẹ hậu quả của BĐKH. Bên cạnh đó cũng cần tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình triển khai QLRRTT-DVCD để phát triển bền vững các cộng đồng và đóng góp vào mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo cũng như các mục tiêu phát triển thiên niên kỉ và sự phát triển bền vững chung của đất nước.

Bảng 1.4. Nhóm tiêu chí đánh giá quá trình xây dựng và triển khai Đề án

1. Nhóm tiêu chí đánh giá sự thống nhất và tổ chức thực hiện đề án từ trung ương đến địa phương gắn với tính bền vững hoạt động đề án.
2. Nhóm tiêu chí chỉ tiêu đánh giá về nâng cao năng lực của cán bộ chính quyền các cấp đặc biệt là cấp cơ sở.
3. Nhóm tiêu chí đánh giá việc phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai cho người dân chú ý đến các đối tượng dễ bị tổn thương trên có sở ghi nhận sự khác nhau về nhận thức.
4. Nhóm tiêu chí đánh giá về việc phát triển các hoạt động cộng đồng trong phòng, chống thiên tai gắn với vai trò trung tâm của cộng đồng và tính liên quan.
5. Nhóm tiêu chí đánh giá về nguồn lực thực hiện đề án gắn với phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tính năng suất và bền vững.
6. Nhóm tiêu chí đánh giá về việc phối hợp của các bên liên quan gắn với tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực.

Với các nhóm tiêu chí, nghiên cứu tiến hành đánh giá:

- Quá trình xây dựng đề án trên các mặt chính: cách đặt mục tiêu, các hợp phần chính được cấu thành và những hoạt động đầu ra được thiết kế trong Đề án.

- Quá trình thực hiện Đề án trên các mặt chính: Tổ chức hệ thống triển khai thực hiện; xây dựng tài liệu và đào tạo cán bộ các cấp; huy động nguồn lực cả về kỹ thuật, tài chính và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan,

tăng cường các hoạt động truyền thông và các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng triển khai cụ thể tại địa phương.

- Thực tiễn thực hiện đề án tại xã Quảng Thành, một xã điển hình thường xuyên chịu tác động bởi thiên tai và triển khai nhiều hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: hệ thống tổ chức triển khai thực hiện, hoạt động phòng, chống thiên tai tại cộng đồng, sự hỗ trợ, tham gia, đóng góp của các bên liên quan; mức độ nhận thức của cán bộ chính quyền và người dân và nhu cầu của người dân, cộng đồng trong thời gian tới.

Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đề án trong thời gian tới.

Trong các đánh giá này nghiên cứu đã áp dụng đồng thời hai cách tiếp cận đó là cách tiếp cận từ dưới lên và từ trên xuống. Cách tiếp cận từ trên xuống là sử dụng các kết quả nghiên cứu, phân tích báo cáo, tổng hợp thông tin và phỏng vấn các cán bộ cấp Trung ương, vùng, tỉnh. Cách tiếp cận từ dưới lên chủ yếu sử dụng các công cụ PRA để thu thập thông tin định tính và định lượng tính từ cán bộ cấp cơ sở và người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

a) Tài liệu tiếng Việt

1. Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương (2008), *Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, giai đoạn 2008-2012*,
2. Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (số 24-NQ/TW)*.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011), *Tài liệu tham khảo Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”*, kèm theo Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ.
4. Cục Phòng, chống thiên tai, (2016) *Báo cáo Tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 94/2014/NĐ-CP Quy định về thành lập và quản lý Quỹ PCTT*.
5. CARE, Oxfam và World Vision (2010), *Tài liệu “Một số mô hình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”* do 3 tổ chức tổ chức xây dựng.
6. Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản, Bộ NN&PTNT(2015),*Báo cáo tiến độ 2, dự án “Xây dựng xã hội thích ứng thiên tai tại Việt Nam - giai đoạn 2”*.
7. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (2008),*Nghiên cứu về “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Việt Nam – Khảo sát việc lồng ghép Chương trình 135 với giảm nhẹ rủi ro thiên tai”*.
8. Đối tác giảm nhẹ thiên tai khu vực Đông Nam Á giai đoạn 4 (PDRSEA4)(2008),*Báo cáo nghiên cứu: Giám sát và báo cáo tiến độ Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*.
9. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Phòng, chống thiên tai*.
10. Sáng kiến chung mạng lưới vận động chính sách (2007), *Một số điển hình làm tốt về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*.
11. Thừa Thiên Huế (2014), *Niên giám thống kê năm 2014*.
12. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 172/2007QĐ-TTG ngày 15/11/2007 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến 2020*.
13. Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai (2015), *Báo cáo tình hình 5 năm (2009-2014) triển khai thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”* .

14. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 về việc phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.”*
15. Thủ Tướng chính phủ (2013), *Quyết định số 333/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2013-2015.*
16. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 367/QĐ - TTg ngày 17 tháng 3 năm 2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai.*
17. Trung ương Hội chữ Thập đỏ Việt Nam (2015), *Báo cáo của Hội chữ Thập đỏ Việt Nam và các tổ chức xã hội tham gia thực hiện Đề án 1002 có lồng ghép giới, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và thích ứng với biến đổi khí hậu.*
18. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1820/TTg-KTN ngày 29 tháng 9 năm 2009 về Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến 2020.*
19. Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác quốc tế. *Hệ thống tài liệu hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.*
20. Trung tâm nghiên cứu và Hợp tác quốc tế và Trung tâm sống và học tập vì môi trường và cộng đồng, *Các bài học kinh nghiệm và điển hình về QLRRTTD-VCD tại vùng cao Việt Nam.*
21. Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai (2011), *Tài liệu kỹ thuật “Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu”* .
22. Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (2014) *Tài liệu “Hướng dẫn Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng – dành cho cấp xã”* .
23. Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (2014) *Tài liệu “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng- dành cho cấp xã”* .
24. Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành (2015), *Báo cáo Đánh giá năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương tại xã Quảng Thành.*
25. Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành (2015), *Báo cáo “Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2015 và phương hướng kế hoạch 2016”* .
26. Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng , chống thiên tai (2017), *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2016, trọng tâm công tác phối hợp trong năm 2017.*
27. Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thừa Thiên Huế (2015) *Báo cáo công tác Thủy văn và Thiên tai.*

28. Viện Quản lý và phát triển Châu Á (2015), *Tài liệu rà soát, điều chỉnh “chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến 2020” Tổng hợp ý kiến của các đại biểu tham dự hội thảo tham vấn các tỉnh khu vực về điều chỉnh Chiến lược.*

29. UN - Oxfam (2011), *Tóm lược Chính sách về “Bình đẳng giới trong thích ứng biến đổi khí hậu và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở Việt Nam.*

b) Tài liệu tiếng Anh

30. Asian Disaster Preparedness Center (2006), *Critical guidelines Community Based Disaster Risk Management: Terminology proposed by UNISDR.*

31. Andrew Maskrey, Oxfam (1989), *Disaster Mitigation – Community Based approach*

32. Dasgupta, S. et al. (2007), *The Impact of Sea Level Rise on Developing Countries: A Comparative Analysis. World Bank Policy Research Working Paper 4136, February 2007*

33. ICRC (2008), *Programme/project management: The results-based approach*

34. International Federation of Red cross and Red Crescent Societies (2011), *Project/program Monitoring and Evaluation Guide.*

35. Rajib Shaw (2014), *Community Practices for Disaster Risk Reduction in Japan.*

36. Nguyen Thi Thu Ha (2013), *Assessment and Recommendation for implementation of Community Awareness raising on Disaster Risk Management in Vietnam.*

37. Zenaida Delica-Willison, *Community-Base Disaster Risk Management - Gaining Ground in Hazard-Prone Communities in Asia.*

38. UNESCO (2006) Richard Sayer *Principles of Awareness Raising.*